

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 309/2024/DS-PT

Ngày: 04-6-2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,  
yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài  
sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận  
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Em

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng  
Ông Nguyễn Thanh Triều

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 351/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 204/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1956.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông C: Trần Thị D, sinh năm 1952. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1974. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T1:* Luật sư Đỗ Thị Thu N  
– Văn phòng Luật sư Thu N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn E, sinh năm 1970.

2. Ông Lê Văn T3, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông Lê Quốc T4, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 13/12A đường 10, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện theo ủy quyền của anh Én, anh T3, anh T4:* Bà Lê Thị T1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Ông Lê Minh T2, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện theo ủy quyền:* Bà Trần Thị Mộng Thùy Tr, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

5. Ủy ban nhân dân huyện G.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện theo pháp luật:* Ông Huỳnh Thanh B, chức vụ: Chủ tịch.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thị H, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Trần Thị Bé B, sinh năm 1938.

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

5. Phạm Thị P, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyễn đơn Trần Văn C và Nguyễn Thị T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo án sơ thẩm;*

\* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T là anh Phạm Ngọc D và bà Trần Thị D trình bày: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T là chủ sử dụng thửa đất diện tích 360m<sup>2</sup>, thửa đất số 387, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Khu phố M, thị trấn V, huyện G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01685 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 29/5/2001 cho ông Trần Văn C. Phần đất của ông C, bà T giáp ranh với thửa đất số 101, do chị Lê Thị T1 đứng tên.

Nguồn gốc do cha mẹ của ông C là ông Trần Văn Bi (chết năm 1993) và bà Lê Thị Nh (chết năm 1990) để lại. Thực trạng trước đây thửa đất số 387, tờ bản đồ số 06, diện tích 360m<sup>2</sup>, theo sơ đồ thửa đất với các cạnh đều là đường thẳng trong đó có cạnh dài 22,6m giáp với đất của chị T1 đang quản lý.

Thửa đất này giáp ranh với thửa đất số 101 do chị T1 đang quản lý giữa 02 thửa đất trước nay chưa có hàng rào hay trụ sạ để làm mốc giới thửa đất. Việc sử dụng đất trước nay đều thống nhất theo sơ đồ thửa đất của Ủy ban nhân dân huyện G cấp nhưng chưa cắm ranh trên thực tế nhưng chị T1 đã mặc nhiên thừa nhận ranh giới là một đường thẳng và vợ chồng ông C, bà T cũng đã xây dựng 01 căn nhà bếp giáp với đường ranh giáp với thửa đất của chị T1 và chị T1 không có ý kiến khi ông C, bà T xây bếp.

Ngày 07/6/2007 vợ chồng ông C, bà T làm hồ sơ xin cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 387 thành thửa đất 102, tờ bản đồ số 61, diện tích 366m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02140 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 19/6/2007 cho ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T. Đến ngày 02/10/2019 ông C, bà T được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 102 thành thửa đất 102, tờ bản đồ số 61, diện tích 366m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05608 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 02/10/2019 cho ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T.

Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đổi lần 2 thì gia đình chị T1 ngang nhiên lấn đất của ông C, bà T với chiều ngang khoảng 02m, dài khoảng 22,6m tổng diện tích lấn chiếm khoảng 45,2m<sup>2</sup>. Sự việc được Ủy ban nhân dân thị trấn V lập biên bản hòa giải ngày 08/5/2020 với ý kiến của Ủy ban là "hai bên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề nghị căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giải quyết". Căn cứ theo hướng giải quyết này mà chị T1 cho người qua đập phá căn nhà bếp của ông C, bà T làm hư hại 02 tấm tole xi-măng và đồ 1,4m tường gạch vì chị T1 cho rằng phần bếp này xây cất trên phần đất của gia đình chị T1.

Trước đây ông C, bà T khởi kiện:

Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 102, tờ bản đồ số 61, diện tích 366m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05608 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 02/10/2019 cho ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 102, tờ bản đồ số 61, diện tích 366m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02140

do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 19/6/2007 cho ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T.

Buộc chị Lê Thị T1 giao trả lại phần đất đã lấn chiếm có chiều ngang 02m, dài khoảng 22,6m, có tổng diện tích lấn chiếm khoảng 45,2m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 61 đồng thời di dời tháo dỡ phần hàng rào đã xây dựng trên phần đất đã lấn chiếm, không đồng ý hỗ trợ phần di dời tháo dỡ.

Ông C, bà T được quyền liên hệ với tất cả cơ quan có thẩm quyền để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 387, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại Khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Yêu cầu chị T1 bồi thường thiệt hại do đập phá bức tường nhà bếp với giá trị là 1.000.000 đồng.

Nay ông C, bà T thay đổi và bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:

Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01857 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 08/8/2005 cho bà Lưu Thị H đối với thửa đất số 101, tờ bản đồ số 61, diện tích 415,7m<sup>2</sup>.

Xác định ranh giới giữa thửa đất số 101 và 102, tờ bản đồ số 61, địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang là một đường thẳng.

Yêu cầu công nhận phần đất có diện tích khoảng 100m<sup>2</sup> (qua đo đạc thực tế là 22,9m<sup>2</sup>) nằm một phần trong thửa đất số 101 thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông C, bà T để ông C, bà T liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký, xin cấp và đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 102.

Yêu cầu chị Lê Thị T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lưu Thị H phải tháo dỡ toàn bộ công trình đầu tư, xây dựng, di dời đồ đạc trên phần đất lấn chiếm để trả lại cho ông C bà T diện tích khoảng 100m<sup>2</sup> (qua đo đạc thực tế là 22,9m<sup>2</sup>), diện tích này hiện nay nằm một phần trong thửa đất số 101. Ông C, bà T không bồi thường chi phí di dời cho chị T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lưu Thị H.

*\* Bị đơn chị Lê Thị T1 trình bày:* Phần đất thửa 101 chị đang quản lý sử dụng do mẹ chị là bà Lưu Thị H (đã mất) đứng tên quyền sử dụng đất thửa đất số 101, tờ bản đồ số 61, diện tích 415,7m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01857 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 08/8/2005 cho bà Lưu Thị H. Thửa đất 101 giáp ranh với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 61, diện tích 366 m<sup>2</sup>, loại thổ và cây lâu năm, tọa lạc Khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang của ông C và bà T.

Nguồn gốc thửa đất 101 là của ông bà nội chị để lại cho cha và mẹ của chị. Cha mẹ của chị đã quản lý đất từ năm 1980 đến khi cha mẹ qua đời thì chị quản lý, sử dụng cho đến nay. Chị đã sinh sống trên phần đất này từ khi được sinh ra cho đến bây giờ, từ khi chị còn nhỏ thì chị đã thấy ranh giới giữa 02 thửa đất không phải là 01 đường thẳng mà là chữ L. Chị xác định ranh giới hai thửa đất là tường nhà chính của ông C, riêng phần tường nhà phụ phía sau thì ông C khi xây cất đã lấn qua phần đất của gia đình chị đang quản lý sử dụng chiều ngang 1,8m, chiều dài 01m (đo đạc thực tế có diện tích 2,2m<sup>2</sup>), hiện trạng đã xây gạch làm tường.

Nhà chị đã xây cất năm 2003 khi gia đình chị cất nhà ông C, bà T không có ý kiến gì, phần hàng rào phía trước và tường bê tông nối với nhà bếp ông C được xây dựng năm 2014 phía gia đình ông C cũng không có ý kiến gì, phần đất ông C, bà T đang tranh chấp do gia đình chị sử dụng từ trước đến nay.

Gần đây, chị có yêu cầu ông C, bà T trả lại phần đất do ông C đã xây tường lấn chiếm ngang 1,8m; dài 01m nêu trên thì bà T không có ý kiến và còn đưa cho chị 01 cái búa yêu cầu chị tự đập, chị đã đập 01 phần bức tường trước sự chứng kiến của bà T và 01 số người khác. Sau đó, ông C, bà T có kiện chị tại Công an thị trấn V thì chị được các đồng chí Công an thị trấn vận động chị nên xây lại để trả lại hiện trạng cũ đợi Tòa giải quyết thì chị nhận thấy vì tình làng nghĩa xóm và nên tôn trọng pháp luật nên chị đã đồng ý xây trả lại hiện trạng ban đầu để đợi Tòa giải quyết phần đất đang tranh chấp là của ai, như vậy thiệt hại của ông C, bà T đã được khắc phục và đây là nguyên nhân phát sinh tranh chấp tại Tòa.

Nay chị không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C, bà T và có yêu cầu kiện phản tố như sau: Yêu cầu ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho gia đình chị phần đất do ông C đã xây tường lấn chiếm ngang 1,8m; dài 01m (đo đạc thực tế là 2,2m<sup>2</sup>) thuộc thửa đất số 101, tờ bản đồ số 61, diện tích 415,7m<sup>2</sup>, loại thổ và cây lâu năm, tọa lạc Khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do mẹ chị là bà Lưu Thị H đứng tên.

Nay chị có yêu cầu khởi kiện phản tố bổ sung như sau:

- Yêu cầu ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T phải trả lại phần đất có diện tích 2,2m<sup>2</sup> thuộc thửa số 101, tờ bản đồ số 61, diện tích 415,7m<sup>2</sup> loại đất thổ và cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01857 cấp ngày 08/8/2005 cho bà Lưu Thị H.

- Yêu cầu ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T phải trả lại phần đất có diện tích 2,7m<sup>2</sup> thuộc thửa số 101, tờ bản đồ số 61, diện tích 415,7m<sup>2</sup> loại đất thổ và cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01857 cấp ngày 08/8/2005 cho bà Lưu Thị H.

Chị không đồng ý bồi thường cho ông C, bà T công trình xây dựng trên đất.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *Đại diện theo ủy quyền của anh Lê Văn T3, anh Lê Quốc T4 là chị Lê Thị T1 trình bày:* Anh Lê Văn T3, anh Lê Quốc T4 là con ruột của bà Lưu Thị H và là anh em ruột của chị Lê Thị T1, anh T3 và anh T4 thống nhất với ý kiến và yêu cầu phản tố của chị T1.

- *Anh Lê Văn E trình bày:* Anh là con ruột của bà Lưu Thị H và là anh ruột của chị Lê Thị T1. Anh thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện phản tố của chị T1.

*Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Minh T2 là chị Trần Thị Mộng Thùy Trình bày:* Anh Lê Minh T2 là con ruột của bà Lưu Thị H và là anh ruột của chị Lê Thị T1. Anh T2 thống nhất với ý kiến của chị T1 và yêu cầu phản tố của chị Lê Thị T1.

- Ủy ban nhân dân huyện G trình bày: Ông Trần Văn C, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị T được Ủy ban nhân dân huyện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02140 ngày 19/6/2007 và Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05608 ngày 02/10/2019 đối với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 61, diện tích 366m<sup>2</sup>, tại khu phố M, thị trấn V là căn cứ vào hồ sơ đo đạc địa chính chính quy năm 2001, bản đồ tỷ lệ 1/1000.

Bà Lưu Thị H, sinh năm 1942 (hiện nay đã chết), lúc còn sống bà H nhận thừa kế quyền sử dụng đất từ chồng là ông Lê Văn P thửa đất số 101, tờ bản đồ số 61, diện tích 415,7m<sup>2</sup> đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01857 ngày 08/8/2005. Hồ sơ thừa kế thực hiện theo trích lục hồ sơ địa chính chính quy năm 2001, bản đồ tỷ lệ 1/1000.

Hồ sơ đo đạc địa chính chính quy năm 2001, bản đồ tỉ lệ 1/500, 1/1000 trên địa bàn thị trấn V (có hồ sơ kỹ thuật thửa đất về ranh giới tứ cận có tọa độ, kích thước của thửa đất, diện tích thửa đất và đã thống nhất chung ký tên thừa nhận là đúng). Nên việc thửa đất số 101 và 102 diện tích tăng là do các hộ sử dụng đất đã xác định lại ranh giới cố định theo hiện trạng đang sử dụng.

\* *Người làm chứng:*

- Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là láng giềng, nhà đối diện với nhà ông C, là láng giềng của ông C, bà T và chị T1. Nay bà đã lớn tuổi, bà không còn nhớ rõ sự việc nên bà không biết gì về ranh giới đất giữa ông C với chị T1.

- Bà Nguyễn Thị Ch trình bày: Bà có biết ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị T và chị Lê Thị T1, bà là láng giềng của họ. Nhà của cha mẹ ruột của bà ở đối diện với nhà của ông C, bà T với nhà chị T1. Bà có thấy ranh giới giữa đất bên ông C với đất chị T1 là có khoảng đất trống rộng giữa nhà ông C với nhà chị T1, thời điểm đó cách nay khoảng 40 năm, khoảng trống đó là bao nhiêu thì bà không nhớ rõ, bà cũng không biết giữa hai bên có gì làm ranh hay không. Khoảng 04 năm nay thì bà thấy nhà của ông C với nhà của chị T1 cất sát lại với nhau.

- Bà Trần Thị Bé B trình bày: Bà là chị dâu của ông Trần Văn C, bà có biết chị T1 và là hàng xóm của chị T1. Bà có chồng năm 19 tuổi, bà về nhà mẹ chồng sống 07 năm tại nhà mà hiện nay ông C đang ở. Thời điểm đó nhà dưới của ông C giáp ranh với đất của bà Lưu Thị H, nhà dưới cất chừa ranh khoảng nửa mét. Sau này bà trở về thì thấy đã dỡ nhà dưới cất lại có chừa lại khoảng 02 mét giáp ranh với đất bà H nhưng năm nào thì bà không nhớ rõ. Còn ranh giới đất giữa hai bên có cặm trụ hay có gì làm ranh hay không thì bà không nhớ.

- Bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: Bà có biết ông C, bà T và chị T1, là láng giềng với ông C, bà T và có quan hệ họ hàng chung đầu ông C với chị T1. Nhà mẹ ruột bà ở gần nhà ông C, chị T1, khi bà khoảng mười mấy tuổi thì bà thấy giữa nhà ông C và nhà chị T1 có 01 khoảng đất trống nhưng trống bao nhiêu thì bà không biết chính xác, có gì làm ranh không bà không rõ. Sau này do không còn thuận thỏa nên bà không còn về đó nữa nên không biết sự việc như thế nào.

- Bà Nguyễn Thị Phú trình bày: Bà có biết ông C, bà T và chị T1, là láng giềng nhưng rất lâu không có giao tiếp gì với họ.

Bà có biết đất của nhà ông C với nhà chị T1 là giáp ranh nhau (chị T1 là con gái của bà Lưu Thị H) khoảng vài chục năm nhưng về ranh giới đất cụ thể là có cắm trụ ranh hay không thì bà không rõ.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 351/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G quyết định áp dụng: khoản 2, khoản 6 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 229, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 188, Điều 195 Luật đất đai; Điều 166, Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu khởi kiện:

Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05608 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 02/10/2019 cho ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02140 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 19/6/2007 cho ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T.

Yêu cầu chị Lê Thị T1 bồi thường thiệt hại về tài sản giá trị 1.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chị Lê Thị T1 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lưu Thị H trả lại phần đất diện tích 3,4m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 102, tờ bản đồ số 61, diện tích 366m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị và đất cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05608 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 02/10/2019 cho ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị T1, anh Lê Văn E, anh Lê Văn T4, anh Lê Văn T3 và anh Lê Minh T2 trả lại cho ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị T phần đất diện tích 0,4m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 102, tờ bản đồ số 61, diện tích 366m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị và đất cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05608 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 02/10/2019 cho ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T.

Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T về việc:

Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01857 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 08/8/2005 cho bà Lưu Thị H đối với thửa đất số 101, tờ bản đồ số 61, diện tích 415,7m<sup>2</sup>.

Xác định ranh giới giữa thửa đất số 101 và 102, tờ bản đồ số 61, địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang là một đường thẳng.

Yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 19,5m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 101 thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông C, bà T để ông C, bà T liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký, xin cấp và đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 102.

Yêu cầu chị Lê Thị T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lưu Thị H phải tháo dỡ toàn bộ công trình đầu tư, xây dựng, di dời đồ đạc trên

phần đất lấn chiếm để trả lại cho ông C bà T diện tích 19,5m<sup>2</sup>, diện tích này hiện nay nằm trong thửa đất số 101.

#### 4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Lê Thị T1.

Buộc ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T trả lại cho chị Lê Thị T1, anh Lê Văn E, anh Lê Văn T4, anh Lê Văn T3 và anh Lê Minh T2 phần đất diện tích 4,9m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 101, tờ bản đồ số 61, diện tích 415,7m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01857 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 08/8/2005 cho bà Lưu Thị H.

Công nhận cho ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T phần đất diện tích 4,9m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 101, tờ bản đồ số 61, diện tích 415,7m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01857 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 08/8/2005 cho bà Lưu Thị H.

Công nhận cho chị Lê Thị T1, anh Lê Văn E, anh Lê Văn T4, anh Lê Văn T3 và anh Lê Minh T2 phần đất diện tích 3,8m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 102, tờ bản đồ số 61, diện tích 366m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị và đất cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05608 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 02/10/2019 cho ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T.

Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

5. Ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị T và chị Lê Thị T1, anh Lê Văn E, anh Lê Văn T4, anh Lê Văn T3, anh Lê Minh T2 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20/9/2023, nguyên đơn Trần Văn C và Nguyễn Thị T có đơn gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi của ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị T và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Thị T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01857 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 08/8/2005 cho bà Lưu Thị H đối với thửa đất số 101, tờ bản đồ số 61, diện tích 415,7m<sup>2</sup>, các yêu cầu còn lại giữ nguyên kháng cáo, bị đơn không đồng ý.

Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn cho rằng nguyên đơn căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguyên đơn cấp 2001 ranh đất giữa nguyên đơn và bị đơn là 01 đường thẳng là không có căn cứ. Bởi vì thời điểm này cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính tỉ lệ 1/1000 nên đường gấp khúc chữ “L” không thể thấy được. Đồng thời UBND huyện G cũng có trả lời về việc diện tích tăng của 02 thửa đất 101 và 102 là hồ sơ đo đạc chính quy năm 2001 bản đồ tỉ lệ 1/500, 1/1000 trên địa bàn thị trấn V (có sơ đồ kỹ thuật thửa đất về ranh giới, tứ cận, tọa độ, kích thước thửa đất, diện tích thửa đất đã thống nhất chung ký tên thừa nhận là đúng. Nên việc thửa đất 101 và 102 diện tích tăng là do



các hộ sử dụng đất đã xác định ranh giới theo hiện trạng đang sử dụng. Hơn nữa diện tích nguyên đơn yêu cầu, bị đơn đang sử dụng từ năm 2003 đến nay. Ranh đất hiện bị đơn sử dụng là đúng hiện trạng. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đối với yêu cầu phản tố bị đơn xin hoán đổi đất như cấp sơ thẩm nếu không được chấp nhận thì tùy tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào quá trình sử dụng đất của hai bên có hình thể chữ “L”. Tại công văn 808/UBND-TNMT ngày 06/5/2022 của UBND huyện G trả lời về việc tăng diện tích đất của bà Lưu Thị H như sau: “Hồ sơ đo đạc chính quy năm 2001 bản đồ tỉ lệ 1/500, 1/1000 trên địa bàn thị trấn V (có sơ đồ kỹ thuật thửa đất về ranh giới, tứ cận, tọa độ, kích thước thửa đất, diện tích thửa đất đã thống nhất chung ký tên thừa nhận là đúng. Nên việc thửa đất 101 và 102 diện tích tăng là do các hộ sử dụng đất đã xác định ranh giới theo hiện trạng đang sử dụng” nên nguyên đơn yêu cầu ranh đất hai bên là đường thẳng là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn xin hoán đổi đất không được nguyên đơn đồng ý đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa phần yêu cầu phản tố bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Luật sư và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang. Trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông Trần Văn C, Nguyễn Thị T còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” đúng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

3.1. Xét yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông C, bà T cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Phần đất của ông C, bà T theo hồ sơ địa chính trước năm 1998 là thửa 387 diện tích 360m<sup>2</sup> ông C bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/5/2001. Đến năm 2007 cấp đổi lại thành thửa 102 diện tích là 366m<sup>2</sup> ông C bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 19/6/2007 và cấp đổi ngày 02/10/2019. Phần đất ông C bà T giáp ranh với đất của ông Lê Văn P và bà Lưu Thị H là thửa 384 diện tích là 314m<sup>2</sup> do hộ ông P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20/10/1998. Đến năm 2003 ông P chết, năm 2005 bà H nhận thừa kế từ ông P được cấp đổi thành thửa 101 có diện tích là 415,7m<sup>2</sup> do bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/8/2005 đất tọa lạc tại Khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Năm 2011 bà H chết để lại cho chị Lê Thị T1 quản lý.

Nhận thấy theo sơ đồ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C, bà T và ông P và sơ đồ địa chính được trích lục thửa đất 387 của ông C, bà T và thửa 384 của ông P, bà H thì ranh đất hai bên là một đường thẳng ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20/10/1998 diện tích 314m<sup>2</sup>, ông C bà T được cấp giấy ngày 24/5/2001 diện tích là 366m<sup>2</sup>. Năm 2005 bà H nhận thừa kế từ ông P được cấp đổi lại là thửa 101 bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/8/2005 diện tích là 415,7m<sup>2</sup> (tăng là 101,7m<sup>2</sup>), hình thể giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H ở hướng bắc có 01 phần hình chữ “L” lấn qua phần đất của ông C, bà T.

Tại công văn 808/UBND-TNMT ngày 06/5/2022 của UBND huyện G trả lời về việc tăng diện tích đất của bà Lưu Thị H như sau: “Hồ sơ đo đạc chính quy năm 2001 bản đồ tỉ lệ 1/500, 1/1000 trên địa bàn thị trấn V (có sơ đồ kỹ thuật thửa đất về ranh giới, tứ cận, tọa độ, kích thước thửa đất, diện tích thửa đất đã thống nhất chung ký tên thừa nhận là đúng. Nên việc thửa đất 101 và 102 diện tích tăng là do các hộ sử dụng đất đã xác định ranh giới theo hiện trạng đang sử dụng”. Tuy nhiên theo trích lục hồ sơ thừa kế từ ông P qua cho bà H thì ông C bà T cũng không có ký giáp ranh. Như vậy vào năm 2005 bà H được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C, bà T cấp ngày 24/5/2001 còn hiệu lực thì phần chữ “L” bên đất bà H lấn qua đất ông C, bà T là nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C, bà T cấp ngày 24/5/2001.

Theo sơ đồ trích đo thửa đất ngày 03/8/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện G và biên bản thẩm định của Tòa án tỉnh Tiền Giang ngày 21/5/2024 ranh đất của ông C, bà T với bà H (hiện nay chị T1 sử dụng) là 01 đường thẳng theo sơ đồ địa chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu cho ông C, bà T và ông P thì phần đất của ông C, bà T ở các vị trí 1,2,3,4,5,6,8,9,10 diện tích là 389,9m<sup>2</sup>. Phần đất bà H ở các vị trí 7,11,12 có diện tích 391,8m<sup>2</sup>. Như vậy diện tích so với lần đầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất ông C tăng 29,9m<sup>2</sup>, phần đất của bà H tăng 77,8m<sup>2</sup> mới đúng với sơ đồ địa chính. Do đó ông C, bà T yêu cầu công nhận ranh đất giữa ông C, bà T với bà H (hiện nay chị T1 sử dụng) là 01 đường thẳng thì phần đất của ông C, bà T có diện tích là 389,9m<sup>2</sup>, phần đất của bà H có diện tích 391,8m<sup>2</sup> có căn cứ.

Tuy nhiên hiện nay phần đất có vị trí 5 diện tích 3,4m<sup>2</sup>, vị trí số 8 diện tích 2,9m<sup>2</sup> chị T1 quản lý là khoảng trống giữa hai phần đất, vị trí số 10 có diện tích 16,6m<sup>2</sup> (phần chữ L) chị T1 xây tường, làm mái che và xây nhà vệ sinh. Năm 2020 ông C có tranh chấp được UBND thị trấn V giải quyết tại biên bản hòa giải ngày 08/5/2020 nhưng hai bên không thỏa thuận được. Nay ông C, bà T yêu cầu chị T1 và hàng thừa kế của bà H tháo dỡ mái che và nhà vệ sinh trả lại phần đất lấn chiếm ở vị trí 5,8,10 có diện tích 22,9m<sup>2</sup> là có căn cứ.

3.2. Xét yêu cầu phản tố của Chị T1 yêu cầu ông C, bà T trả lại diện tích đất 4,9m<sup>2</sup> ở vị trí số 2 và 9 nhưng diện tích đất này ông C, bà T đang quản lý hoán đổi phần đất có vị trí số 5 và 7 diện tích 3,8m<sup>2</sup> của ông C, bà T mà chị T1 đang sử dụng được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận nhưng không có sự đồng ý của ông C, bà T là không phù hợp.

Tuy nhiên theo như nhận định trên công nhận ranh đất hai bên là đường thẳng thì phần đất ở vị trí số 2 và 9 có diện tích 4,9m<sup>2</sup> là của ông C, bà T đang quản lý chị T1 yêu cầu ông C, bà T trả lại là không có căn cứ. Phần đất ở vị trí số 7 diện tích 0,4m<sup>2</sup> của bà H, chị T1 đang quản lý không phải là đất của ông C, bà T do đó chị T1 được tiếp tục quản lý nên chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của chị T1.

Đối với diện tích đất thửa 102 của ông C bà T và thửa 101 của bà H được xác định lại ranh đất là một đường thẳng theo hiện trạng sơ đồ trích đo thửa đất ngày 03/8/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện G thì phần đất của ông C, bà T ở các vị trí 1,2,3,4,5,6,8,9,10 diện tích là 389,9m<sup>2</sup>. Phần đất bà H ở các vị trí 7,11,12 có diện tích 391,8m<sup>2</sup> các bên được liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký lại diện tích thực tế. Xem như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C số CS05608 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 02/10/2019 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01857 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 08/8/2005 cho bà Lưu Thị H không còn hiệu lực. Tại phiên Tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01857 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 08/8/2005 cho bà Lưu Thị H phù hợp nhận định trên nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của ông C, bà T.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn C, Nguyễn Thị T. Sửa bản án dân sự của Tòa án nhân dân huyện G.

Các phần khác của bản án không bị kháng cáo kháng nghị xem như có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến đại diện kiểm sát phù hợp một phần nhận định trên nên chấp nhận.

Ý kiến luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn không phù hợp nhận định trên nên không chấp nhận.

Về án phí: Ông C, bà T không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Khoản 2, khoản 6 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 229, Điều 244, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 188, Điều 195 Luật đất đai; Điều 166, Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Xử:**

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 351/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu khởi kiện:

Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05608 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 02/10/2019 cho ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02140 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 19/6/2007 cho ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T.

Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01857 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 08/8/2005 cho bà Lưu Thị H đối với thửa đất số 101, tờ bản đồ số 61, diện tích 415,7m<sup>2</sup>.

Yêu cầu chị Lê Thị T1 bồi thường thiệt hại về tài sản giá trị 1.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T yêu cầu công nhận ranh đất thửa 102 tờ bản đồ số 61 do ông Trần Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thửa 101 tờ bản đồ số 61 do bà Lưu Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang là một đường thẳng.

Phần đất ông C thửa 102 có các vị trí 1,2,3,4,5,6,8,9,10 diện tích là 389,9m<sup>2</sup>.

Phần đất bà H thửa 101 có các vị trí 7,11,12 có diện tích 391,8m<sup>2</sup>.

Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lưu Thị H gồm chị Lê Thị T1, anh Lê Văn E, anh Lê Văn T4, anh Lê Văn T3 và anh Lê Minh T2 tháo dỡ mái che, nhà vệ sinh và tường rào trả lại cho ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị T diện tích đất 22,2m<sup>2</sup> ở các vị trí 5,8,10.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của chị Lê Thị T1.

- Ghi nhận phần đất ở vị trí số 7 có diện tích 0,4m<sup>2</sup> là thuộc quyền sử dụng đất thửa 101 do bà Lưu Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị T1 yêu cầu ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T trả lại diện tích đất 4,9m<sup>2</sup> ở vị trí số 2 và 9.

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật

(Tất cả có sơ đồ trích đo thửa đất ngày 03/8/2003 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện G kèm theo).

4. Ông Trần Văn C được liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa 102 diện tích là diện tích là 389,9m<sup>2</sup> ở các vị trí 1,2,3,4,5,6,8,9,10 theo sơ đồ trích đo thửa đất ngày 03/8/2003 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện G.

Hàng thửa kế của bà Lưu Thị H gồm chị Lê Thị T1, anh Lê Văn E, anh Lê Văn T4, anh Lê Văn T3 và anh Lê Minh T2 được liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa 101 diện tích là diện tích là 391,8m<sup>2</sup> ở các vị trí 7,11,12 theo sơ đồ trích đo thửa đất ngày 03/8/2003 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện G.

5. Về án phí:

Chị Lê Thị T1 chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm chị đã nộp tạm ứng án phí 600.000 đồng theo biên lai thu số: 0017029 ngày 09/12/2020 và biên lai thu số: 0011563 ngày 26/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G được chuyển sang án phí 300.000 đồng, do vậy chị T1 được nhận lại 300.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị T được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016575 ngày 11/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kim Em**